

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 24-8-2020.
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tôn Phước Thuận.
2. Ông Đặng Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thi, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang, Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân gia đình “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 323/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1963; nơi cư trú: ấp BP, xã BPX, huyện CM, tỉnh An Giang; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Hoàng V; sinh năm 1958; nơi cư trú: tổ 22, ấp BP, xã BPX, huyện CM, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà và ông V quen biết và kết hôn với nhau vào năm 1980, không đăng ký kết hôn. Vợ chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn nên đã ly thân nhau, mỗi người đã có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến nhau. Nhận thấy tình cảm không còn yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung: Vợ chồng có 03 (ba) con chung tên Lê Hữu D, sinh năm 1986; Lê Hữu L, sinh năm 1992 và Lê Hữu S1, sinh năm 1994. Hiện 03 (ba) con chung đã thành niên nên không đề cập đến vấn đề cấp dưỡng và nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Về quan hệ nợ chung: không có.

Bị đơn ông Lê Hoàng V được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông V vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về giải quyết vụ án, hôn nhân giữa bà S ông V không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên do bà S, ông V chung sống với nhau trước ngày 3/01/1987 nên được xem là hôn nhân thực tế. Vợ chồng mâu thuẫn và có thời gian dài và không còn chung sống đã lâu, nên không thể hàn gắn, về con chung 03 con chung đã trưởng thành nên đề nghị để ông Dũng nuôi dưỡng đề nghị Hội đồng xét xử quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].*Về thủ tục tố tụng*: Bà Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Hoàng V có nơi cư trú tại xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].*Về nội dung tranh chấp*

[2.1]. Hôn nhân giữa bà S ông V là do quen biết trước có làm đám cưới chung sống với nhau vào năm 1980 nhưng không đăng ký kết hôn. Căn cứ Điều 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 44 Nghị Định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật hộ tịch, Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì hôn nhân bà S, ông V vẫn được công nhận là vợ chồng hợp pháp kể từ ngày hai bên xác lập quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng. Vợ chồng chung sống đến cuối năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi nhau, ông V bỏ đi chung sống với người khác. Do tình cảm không còn nên bà S yêu cầu được ly hôn ông V. Xét thấy mâu thuẫn của bà S, ông V không

thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà S đối với ông V.

[2.2]. *Về quan hệ con chung*: Bà S, ông V có 03 con chung tên Lê Hữu D, sinh năm 1986; Lê Hữu L, sinh năm 1992 và Lê Hữu S1, sinh năm 1994. Hiện các cháu đã trưởng thành nên không đề cập đến vấn đề cấp dưỡng và nuôi con.

[2.3]. *Về tài sản*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. *Về nợ chung*: Ghi nhận bà S, ông V xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[4]. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà S phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: các Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 228; Điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị S xin ly hôn ông Lê Hoàng V.

Về quan hệ con chung: Bà S, ông V có 03 (ba) con chung tên Lê Hữu D, sinh năm 1986; Lê Hữu L, sinh năm 1992 và Lê Hữu S1, sinh năm 1994. Hiện các con chung đã thành niên nên không đề cập đến vấn đề cấp dưỡng và nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Không có.

Về quan hệ nợ chung: Ghi nhận bà S, ông V xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì ông, bà phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị S chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008203 ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà S đã nộp đủ.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Đương sự;
- VKSND H. Chợ Mới;
- UBND xã Bình Phước Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình